

# ỨNG DỤNG MÔ HÌNH HỒI QUI BINARY LOGISTIC XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHU CẦU HỌC NGHỀ CỦA LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

## APPLYING BINARY LOGISTIC REGRESSION MODEL TO IDENTIFY FACTORS AFFECTING VOCATIONAL TRAINING NEEDS OF OF RURAL LABORERS

Phạm Ngọc Nhân

Trường Đại học Cần Thơ; pnnhan@ctu.edu.vn

**Tóm tắt** - Nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn được thực hiện trên địa bàn huyện Phụng Hiệp – tỉnh Hậu Giang tập trung vào lực lượng lao động trên địa bàn nông thôn nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động. Kết quả nghiên cứu cho thấy 7 yếu tố bao gồm độ tuổi (X1), giới tính (X2), trình độ học vấn (X3), số nhân khẩu (X4), nguồn lực lao động trong nông hộ (X5), tổng thu nhập nông hộ (X6) và thông tin giới thiệu đào tạo nghề (X7) được đưa vào phân tích thông qua mô hình hồi qui Binary Logistic. Kết quả phân tích cho thấy, mức độ phù hợp của mô hình đạt giá trị 83,5%, trong đó các biến số X1, X2, X3, X4, X5, X6, có ý nghĩa thống kê, biến số thông tin giới thiệu đào tạo nghề X7 (Sig. = ,371>0,05) không có ý nghĩa thống kê khi đưa vào mô hình.

**Từ khóa** - Binary Logistic; lao động; nhu cầu học nghề; nông thôn; yếu tố ảnh hưởng

**Abstract** - The study to identify factors that affect the vocational training needs of the rural labor force is made in Phung Hiep district - Hau Giang province. The study focuses on labor force in rural areas in order to identify the elements that affect the vocational training needs of the employees. The study results show that 7 factors including Age (X1), Gender (X2), Educational level (X3), Household's size (X4), Labor resources in households (X5), total household income (X6) and referral information vocational training (X7) are included in the analysis through Binary Logistic regression model. The analytical results show that the relevance of the model reaches the value of 83.5%. Particularly, the variables X1, X2, X3, X4, X5, X6, have statistical significance, variable information about training X7 (Sig. =0,371>0.05) has not statistical significance when put into the model.

**Key words** - Binary Logistic; labor; vocational training needs; rural; causative factor / factor that affect sth.

### 1. Đặt vấn đề

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) được xác định là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của cả nước với nguồn lực lao động dồi dào khoảng 17,5 triệu người, trong đó số lao động sống ở nông thôn là 13,8 triệu người (Trương Thị Ngọc Chi và ctv, 2012). Từ năm 2009, đào tạo nghề cho lao động nông thôn được phát triển theo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009. Theo đề án đó, tính từ năm 2010 đến hết tháng 6/2013 đã hỗ trợ dạy nghề 1.294.608 người, trong đó 79,8% lao động có việc làm mới hoặc vẫn giữ việc làm cũ nhưng thu nhập được nâng cao hơn so với trước khi học nghề, 44,1% có việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp, 23,5% được doanh nghiệp tuyển dụng (Tổng cục Dạy nghề, 2013). Thông qua các lớp đào tạo nghề, người học nghề nông nghiệp đã tiếp thu được những kiến thức cơ bản để hành nghề trồng trọt, chăn nuôi góp phần nâng cao thu nhập, giảm chi phí đầu tư, mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất. Tuy nhiên, vẫn còn một thực trạng lao động vùng nông thôn chưa thể tìm được việc làm sau khi học nghề hoặc tiếp tục di chuyển ra vùng thành thị để tìm kiếm việc làm, các ngành nghề phi nông nghiệp hầu như không có người học vì nhu cầu sử dụng các lao động phi nông nghiệp ở vùng nông thôn rất ít.

Song song đó, thực trạng đào tạo nghề hiện nay cho thấy nhiều lao động nông thôn khi được đào tạo xong vẫn không có việc làm, nhiều người vẫn làm nghề nông hoặc sản xuất theo phương thức cũ. Một số lao động vẫn không tha thiết với học nghề mà tìm kiếm các cơ hội việc làm tại các thành phố lớn do người lao động không có vốn để chuyển sang nghề mới, sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ, thời gian học ngắn không đủ để thành thạo nghề. Đề

án đào tạo nghề được đầu tư lớn nhưng dạy nghề cho lao động nông thôn hiện nay mới chỉ đạt đến hiệu quả đào tạo, đào tạo cho đủ chỉ tiêu, chứ chưa chú trọng gắn với nhu cầu của xã hội. Vì thế, nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn là điều cần thiết, từ những kết quả nghiên cứu sẽ giúp cho các cơ quan ban ngành địa phương cùng với các cơ sở đào tạo nghề tìm ra các giải pháp khắc phục những khó khăn hiện tại góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho địa phương.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Phụng Hiệp, Hội Nông dân huyện Phụng Hiệp.

Số liệu thứ cấp của mục tiêu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu phân tầng kết hợp với ngẫu nhiên để đảm bảo tính chính xác, khoa học của số liệu được thu thập trên 3 địa bàn tương ứng với 3 điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, trong đó bao gồm xã Hòa An (n=65 lao động) là vùng có nền kinh tế kém phát triển, sản xuất nông nghiệp bằng nghề trồng lúa là chủ yếu, những năm gần đây dựa trên thế mạnh của vùng đã phát triển thêm nghề thủ công mỹ nghệ như đan lục bình, mảnh; xã Phương Bình (n=65 lao động) là vùng có nền kinh tế đang phát triển chủ yếu dựa trên sản xuất nông nghiệp bằng nghề trồng mía, nuôi cá; Thị trấn Cây Dương (n=65 lao động) là vùng có nền kinh tế tương đối phát triển hơn các vùng khác do nằm ở vị trí trung tâm của huyện, bên cạnh sản xuất nông nghiệp còn có các dịch vụ buôn bán nhỏ lẻ... đã đem lại thu nhập ổn định cho người dân trong vùng, tổng số mẫu phỏng

vẫn là 195 mẫu. Tất cả lao động nông thôn được chọn phỏng vấn đều còn độ tuổi lao động.

Trước khi đưa mẫu điều tra vào phỏng vấn trực tiếp nông dân, tác giả tiến hành phỏng vấn thử để kiểm tra tính phù hợp của phiếu phỏng vấn, đồng thời hiệu chỉnh phiếu cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn nghiên cứu.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

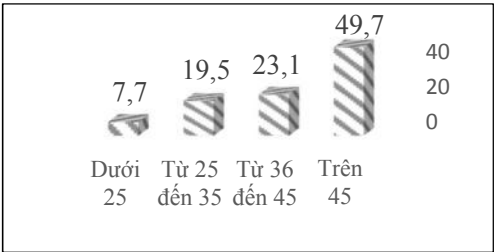
Các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS 16.0 và tổng hợp phân tích dựa trên các phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi qui Binary Logistic dùng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia học nghề của lao động nông thôn có nhu cầu học nghề hay không có nhu cầu học nghề.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Đặc điểm mẫu điều tra

3.1.1. Độ tuổi

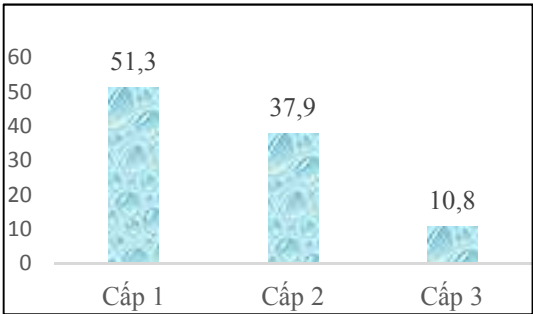
Trong phạm vi nghiên cứu này, độ tuổi lao động được chia ra thành 4 nhóm tuổi khác nhau: nhóm 1 gồm những nông dân có độ tuổi nhỏ hơn 25 chiếm tỷ lệ 7,7%, nhóm 2 gồm những nông dân có độ tuổi từ 25 đến 35 tuổi chiếm tỷ lệ 19,5%, kế tiếp là nhóm tuổi thứ 3 bao gồm những lao động có độ tuổi từ 36 đến 45 chiếm tỷ lệ 23,1% và nhóm tuổi thứ 4 bao gồm những lao động có tuổi lớn hơn 45 tuổi chiếm tỷ lệ 49,7% (Hình1), đây là nhóm tuổi nông dân tham gia lớp tập huấn có tỷ lệ cao nhất.



Hình 1. Phân bố độ tuổi lao động của mẫu điều tra

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 195 lao động nông thôn tại huyện Phụng Hiệp - tỉnh Hậu Giang, 2015

3.1.2. Trình độ học vấn



Hình 2. Thống kê trình độ học vấn của mẫu điều tra

Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 195 lao động nông thôn tại huyện Phụng Hiệp - tỉnh Hậu Giang, 2015

Kết quả phân tích trên Hình 3 cho thấy, tất cả lao động nông thôn tham gia phỏng vấn điều biết chữ. Số lao động có trình độ cấp 1 (từ lớp 1 đến lớp 5) là 100 người (chiếm tỷ lệ 51,3%), đây là nhóm lao động có trình độ học vấn chiếm tỷ lệ cao nhất. Số lao động có trình độ cấp 2 (từ lớp

6 đến lớp 9) là 74 người (chiếm tỷ lệ 37,9%), và tỷ lệ thấp nhất là nhóm lao động có trình độ cấp 3 (từ lớp 10 đến lớp 12) chiếm tỷ lệ 10,8% (21 người). Theo Đặng Kim Sơn (2008), trình độ học vấn của học viên học nghề có mối quan hệ chặt chẽ và tỷ lệ thuận với chất lượng được đào tạo khi ra trường. Trình độ học vấn hiện nay đang ảnh hưởng trực tiếp và không nhỏ đối với công tác đào tạo nghề cho lao động, đặc biệt là chất lượng đào tạo cho đội ngũ lao động nông thôn trong tương lai.

3.2. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề

Trong phạm vi nghiên cứu này, đề tài sử dụng mô hình hồi qui phi tuyến tính Binary Logistic dùng để xác định mức độ tác động của các yếu tố  $X_i$  tới xác suất xuất hiện hiện tượng  $I$  khi  $X$  đã xảy ra. Mô hình hồi qui binary Logistic là một trong những mô hình dùng để ước lượng mô hình có biến phụ thuộc dạng nhị phân được nghiên cứu bởi nhà thống kê David R. Cox. Trong hồi qui Logistic, các đối tượng nghiên cứu được thể hiện qua biến số nhị phân, còn các yếu tố độc lập có thể được thể hiện qua biến số liên tục hoặc biến nhị phân hoặc các biến thứ bậc, nghịch đảo của hàm phân phối xác suất chuẩn hóa là sự kết hợp tuyến tính của các biến giải thích. Trong mô hình nghiên cứu này, hàm Logistic bao gồm về trái là biến phụ thuộc có 2 giá trị: 0 (nếu lao động không có nhu cầu học nghề) và 1 (nếu lao động có nhu cầu học nghề). Về phải của phương trình gồm có 3 nhóm biến khác nhau bao gồm đặc điểm cá nhân, đặc điểm của nông hộ và các chính sách khi đào tạo nghề của Nhà nước.

Mô hình hồi qui được giả định như sau:

$$\log_e P(Y=1)/P(Y=0) = a_0 + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6 + a_7X_7$$

Bảng 1. Mô tả biến được sử dụng trong mô hình:

| Nhóm biến                    | Tên biến | Ý nghĩa/cách tính                                     | Dấu kỳ vọng |
|------------------------------|----------|-------------------------------------------------------|-------------|
| Nhóm đặc điểm cá nhân        | $X_1$    | Tuổi (năm)                                            | -           |
|                              | $X_2$    | Giới tính (1 = nam, 0 = nữ)                           | +/-         |
|                              | $X_3$    | Trình độ học vấn (lớp)                                | +           |
| Nhóm đặc điểm nông hộ        | $X_4$    | Số nhân khẩu trong nông hộ (người)                    | +           |
|                              | $X_5$    | Nguồn lực lao động trong nông hộ                      |             |
|                              | $X_6$    | Thu nhập nông hộ (triệu đồng/năm)                     | +/-         |
| Nhóm chính sách của Nhà nước | $X_7$    | Thông tin giới thiệu đào tạo nghề (1 = có, 0 = không) | +           |

Ở mỗi biến sẽ giải thích cho sự tham gia của lao động có nhu cầu học nghề hay không có nhu cầu học nghề trong mô hình hồi qui này. Như vậy, mô hình này gồm có 3 nhóm biến: (1) nhóm biến số về đặc điểm cá nhân của lao động tham gia học nghề (tuổi của lao động, giới tính của lao động, học vấn của lao động), (2) nhóm biến số về đặc điểm của nông hộ (thu nhập, nhân khẩu) và (3) nhóm biến số về chính sách của Nhà nước khi đào tạo việc làm (cung cấp thông tin đào tạo nghề).

Để phân tích số liệu thu thập được, phần mềm thống kê SPSS đã được sử dụng. Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic đối với các biến độc lập được thể hiện ở Bảng 2.

**Bảng 2.** Kết quả phân tích hồi quy của mô hình Logistis

| Yếu tố                                          | Hệ số B | S.E.  | Wald   | Sig.  | e <sup>B</sup> |
|-------------------------------------------------|---------|-------|--------|-------|----------------|
| X <sub>1</sub> Tuổi                             | -0,136  | 0,023 | 36,295 | 0,000 | 0,872          |
| X <sub>2</sub> Giới tính                        | -0,170  | 0,393 | 0,187  | 0,036 | 0,844          |
| X <sub>3</sub> Trình độ học vấn                 | 0,182   | 0,075 | 5,890  | 0,013 | 0,834          |
| X <sub>4</sub> Số nhân khẩu                     | 0,547   | 0,157 | 12,188 | 0,000 | 1,728          |
| X <sub>5</sub> Nguồn lực lao động trong nông hộ | 0,234   | 0,298 | 0,620  | 0,015 | 0,791          |
| X <sub>6</sub> Tổng thu nhập nông hộ            | 0,228   | 0,317 | 1,452  | 0,028 | 1,000          |
| X <sub>7</sub> Thông tin giới thiệu đào tạo     | 0,366   | 0,409 | 0,800  | 0,371 | 1,442          |
| Hằng số                                         | 3,546   | 1,08  | 10,773 | 0,001 | 34,674         |

*Nguồn: Kết quả điều tra thực tế 195 lao động nông thôn tại huyện Phụng Hiệp - tỉnh Hậu Giang, 2015*

Kết quả phân tích trên Bảng 2 ta thấy các biến số độc lập X<sub>1</sub>; X<sub>2</sub>; X<sub>3</sub>; X<sub>4</sub>; X<sub>5</sub>; X<sub>6</sub> là các biến số có ý nghĩa về mặt thống kê. Biến số X<sub>7</sub> (cơ sở đào tạo nghề cung cấp thông tin giới thiệu về đào tạo) không có ý nghĩa về mặt thống kê khi phân tích trong mô hình này.

- Biến số tuổi của lao động (X<sub>1</sub>) có giá trị Sig. = 0,000, hệ số B = -0,136, có quan hệ tỷ lệ nghịch với nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Điều này có nghĩa là tuổi của lao động càng cao thì nhu cầu học nghề của họ càng thấp. Kết quả nghiên cứu này cho thấy nếu chính sách đào tạo nghề của địa phương tập trung vào những đối tượng là lao động trẻ thì sẽ đào tạo được nguồn lao động có tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động trong tương lai, giải quyết được tình trạng thất nghiệp của lao động trẻ và hạn chế việc di cư tìm kiếm việc làm của lao động trẻ ra thành phố lớn. Bên cạnh đó, nếu độ tuổi của lao động càng cao thì sẽ có nhiều cản trở hơn trong việc tham gia học nghề của họ như: tuổi càng cao thì càng khó tiếp thu các kiến thức trong quá trình đào tạo cũng như sự nhạy bén trong học tập của lao động; đối với những lao động có tuổi cao, có nhiều kinh nghiệm trong thực tế sản xuất thì việc thay đổi ngành nghề đối với họ cũng là vấn đề khó khăn khi lựa chọn; tuổi của lao động cao khó có thể tìm việc sau khi đào tạo xong với các lý do thâm niên công tác, sức khỏe. Tuy nhiên, sự gia nhập vào cộng đồng chung ASIAN của Việt Nam, cơ hội nghề nghiệp cho các đối tượng lao động trong thời gian tới sẽ cao hơn. Lúc đó, biến tuổi trong mô hình này không có ý nghĩa cao vì lao động có độ tuổi cao vẫn có thể tham gia lao động vào các nhóm ngành nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp.

- Biến số (X<sub>2</sub>) là biến số độc lập về giới tính có liên quan nghịch đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn ở mức ý nghĩa thống kê 0,036 ( $\alpha < 0,05$ ). Biến số này trong phương trình cho thấy giới tính có ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Kết quả nghiên cứu này

cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Trương Thị Ngọc Chi và ctv (2012) cho rằng giới tính có sự ảnh hưởng đến việc học nghề của lao động, nam giới thường tham gia học nghề nhiều hơn nữ giới. Tuy nhiên, vấn đề xác định ảnh hưởng của giới tính đến nhu cầu học nghề của lao động nông thôn còn phức tạp hơn nhiều bởi việc xác định rõ nhu cầu học nghề của họ cần phải xét theo từng nhóm ngành nghề mới có thể kết luận chính xác.

- Đối với biến số trình độ học vấn (X<sub>3</sub>) có giá trị Sig. = 0,000 ( $\alpha < 0,05$ ), hệ số B = 0,182 cho thấy sự ảnh hưởng tích cực của trình độ học vấn đến nhu cầu học nghề của lao động, kết quả có giá trị dương khẳng định rằng nếu trình độ học vấn càng cao thì nhu cầu học nghề của lao động càng cao. Bên cạnh đó, đối với lực lượng lao động có trình độ học vấn càng cao thì chương trình dạy nghề sẽ thuận lợi hơn, lao động dễ dàng tiếp thu hơn đối với nhóm ngành mang tính kỹ thuật cao.

- Biến số nhân khẩu trong nông hộ (X<sub>4</sub>) cho kết quả Sig. = 0,000 ( $\alpha < 0,05$ ), hệ số B = 0,547. Điều này cho thấy đối với những hộ gia đình có quy mô lớn về mặt số lượng nhân khẩu nhưng thiếu đất sản xuất hoặc việc làm không ổn định thì nhu cầu học nghề của họ càng cao. Ngoài ra nếu số nhân khẩu càng nhiều thì sức ép về mặt chi tiêu sinh hoạt hàng ngày đối với gia đình càng lớn, do vậy họ cần phải tìm kiếm nghề nghiệp ổn định thông qua các khóa đào tạo nghề ở địa phương.

- Biến số nguồn lực lao động trong nông hộ (X<sub>5</sub>) cho kết quả Sig. = 0,015 ( $\alpha < 0,05$ ), hệ số B = 0,234 cho thấy đối với những hộ gia đình có lực lượng lao động đông và sự nhàn rỗi của bộ phận lao động này trong gia đình nên họ luôn có nhu cầu học nghề để tìm kiếm ngành nghề phù hợp tăng thu nhập cho nông hộ. Bên cạnh đó, áp lực về thu nhập trong nông hộ luôn tạo cho họ phải tìm kiếm nghề nghiệp qua sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể hoặc chính quyền địa phương trong việc đào tạo nghề.

- Biến số tổng thu nhập của nông hộ (X<sub>6</sub>) có hai ý nghĩa được giải thích như sau: (1) thu nhập có thể là yếu tố cản trở trong nhu cầu học nghề của lao động nếu như thu nhập của nông hộ thấp; (2) thu nhập có thể là yếu tố thúc đẩy nhu cầu học nghề của lao động bởi lẽ nông hộ có điều kiện tài chính sẽ đầu tư cho con em của họ có tay nghề trong tương lai. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, đây chỉ là khía cạnh vĩ mô theo quan điểm của tác giả, vẫn còn nhiều trường hợp được giải thích cụ thể tùy theo điều kiện và sự quyết tâm đầu tư cho con em ở từng gia đình. Trong mô hình phân tích này, biến thu nhập của nông hộ có ý nghĩa ở mức  $\alpha < 0,05$  ( $\alpha = 0,028$ ).

- Biến số cung cấp thông tin về đào tạo nghề (X<sub>7</sub>) có hệ số Sig. = 0,371 ( $\alpha > 0,05$ ) và B = 0,366. Trong phạm vi nghiên cứu này, biến số này chưa có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Trong những năm trở lại đây, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được nhiều địa phương thực hiện, mở ra nhiều cơ sở đào tạo nghề, nhiều lớp học nghề cho lao động nông thôn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các lớp đào tạo nghề chưa thật sự phù hợp với nhu cầu học nghề của lao động, chính vì điều này vấn đề đào tạo và chất lượng đào tạo, hiệu quả đào tạo vẫn còn bất cập ở các địa phương. Trong quá trình thực hiện phỏng vấn nhóm, nhiều lao động cho thấy việc cung cấp thông tin giới thiệu về

ngành nghề dự định đào tạo, thông tin giới thiệu việc làm khi lao động hoàn thành khóa đào tạo chưa thật sự có giá trị đối với lao động học nghề. Điều này trên thực tế cũng hoàn toàn đúng bởi do vấn đề giải quyết đầu ra của lao động chưa được các cơ quan ban ngành, cơ sở đào tạo nghề quan tâm đúng mức làm mất đi sự tin tưởng của học viên khi họ quyết định tham gia lớp học.

Từ kết quả phân tích hồi qui, nghiên cứu xây dựng mô hình như sau:

$$\text{Loge } P(Y=1)/P(Y=0) = 3,546 - 0,136X_1 - 0,17 X_2 + 0,182X_3 + 0,547X_4 + 0,234X_5 + 0,228X_6 + 0,366X_7$$

Mô hình hồi quy Binary Logistic mà nghiên cứu này sử dụng cho thấy chỉ số 2-log likelihood đạt tới giá trị 166,292, và đây là chỉ số thích hợp khẳng định tính chắc chắn của mô hình. Hệ số tương quan Cox& Snell R Square đạt tới 0,363, trong khi đó hệ số tương quan Nagelkerde R Square đạt tới giá trị 0,497, một lần nữa khẳng định rằng khoảng 49,7% giá trị của mô hình đã được giải thích từ hồi quy logistic, và đây là một hệ số tương quan khá cao. Chỉ số Homer và Lemeshow test cho thấy Chi-square đạt tới giá trị 87,418 với Sig. = 0,000 ( $\alpha < 0,05$ ). Các kết quả kiểm định thống kê này cho thấy tính chắc chắn của mô hình hồi quy tương quan logistic được sử dụng trong phân tích. Bảng 3 cho thấy tỷ lệ dự đoán của mô hình là khá cao, lên tới 83,5%, có thể giúp kết luận mô hình hồi quy tương quan logistic sử dụng trong nghiên cứu là hoàn toàn hợp lý.

**Bảng 3. Kết quả định tính chính xác của mô hình**

| Quan sát                                                                            |                  | Nhu cầu học nghề |            | Mức độ chính xác của kết quả dự báo |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------|-------------------------------------|
|                                                                                     |                  | Không có nhu cầu | Có nhu cầu |                                     |
| Nhu cầu học nghề                                                                    | Không có nhu cầu | 113              | 11         | 91,1%                               |
|                                                                                     | Có nhu cầu       | 21               | 49         | 70%                                 |
| Tỷ lệ dự định chính xác dự báo chung của mô hình hồi quy tương quan Binary Logistic |                  |                  |            | <b>83,5%</b>                        |

#### 4. Kết luận

Kết quả phân tích mô hình hồi qui Binary Logistic cho thấy mức độ dự báo chính xác của mô hình 83,5%, trong đó các yếu tố bao gồm độ tuổi, giới tính của lao động, số nhân khẩu trong nông hộ, trình độ học vấn của lao động, nguồn lực lao động trong nông hộ và tổng thu nhập trong nông hộ đều có ý nghĩa thống kê khi đưa các yếu tố này vào mô hình. Tuy nhiên, biến số thông tin giới thiệu đào tạo nghề không có ý nghĩa thống kê khi đưa vào mô hình nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy biến số độ tuổi và giới tính của lao động có tương quan tỷ lệ nghịch với nhu cầu học nghề của lao động (lần lượt là  $B = -0,136$  và  $-0,170$ ), các biến còn lại đều có tương quan thuận với nhu cầu học nghề của lao động nông thôn.

Kết quả phân tích mô hình cho thấy sự phù hợp của mô hình lý thuyết với nhu cầu học nghề của lao động nông thôn cũng như việc chấp nhận các lý thuyết đã được đề ra trong mô hình nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực cho nhà quản lý, nhà nghiên cứu. Đây chính là những căn cứ để xây dựng một giải pháp hiệu quả trong công tác đào tạo nghề hay nói khác hơn là trong lĩnh vực khuyến nông nhằm đạt được yêu cầu nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như thỏa mãn nhu cầu của lao động khi tham gia khóa đào tạo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đặng Kim Sơn, *Báo cáo đề dẫn Phát triển nguồn nhân lực nông thôn Việt Nam thực trạng và giải pháp*, Viện Chính sách và Chiến lược, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2008.
- [2] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu với SPSS*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2005.
- [3] Lê Xuân Bá, *Báo cáo nghiên cứu các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, 2006.
- [4] Tổng cục Dạy nghề, *Báo cáo kết quả đào tạo nghề giai đoạn 2010-2013*, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, 2013.
- [5] Trương Thị Ngọc Chi và Dương Ngọc Thành, *Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Cần Thơ*, Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh, Cần Thơ, 2012.
- [6] UBND Tỉnh Hậu Giang, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2012*, UBND Tỉnh Hậu Giang, 2011.

(BBT nhận bài: 21/11/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 11/12/2016)